

Bản án số: 03/2020/ HNGĐ-ST

Ngày: 25-3-2020

V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con và cấp dưỡng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Út.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Hai;

Ông Nguyễn Phát Triển.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 25 tháng 3 năm 2020 tại phòng xử án của trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 380/2019/TLST-HNGĐ, ngày 26/12/2019, “V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con và cấp dưỡng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 142/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 06 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Trần Thị Mỹ D - Sinh năm: 1988 (có mặt); địa chỉ: 295/2, ấp H Đ, xã T H, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Lê Quốc H - Sinh năm: 1979 (vắng mặt); địa chỉ: ấp Đông Huê, xã T K Đ, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp. *Tạm trú:* ấp Tân Bình, xã Tân Thành, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26/9/2019, các lần hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn Trần Thị Mỹ D trình bày:

Vào năm 2010, Trần Thị Mỹ D và Lê Quốc H quen biết nhau và được gia đình 02 bên tổ chức đám cưới, vợ chồng tôi có đăng ký kết hôn ngày 16/12/2010 tại UBND xã T K Đ, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp; Quá trình sống chung vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm thường hay cãi vã. Vào năm 2017 chị và anh H sống chung với nhau mà có nhiều mâu thuẫn về mặt tình cảm vợ chồng và kinh tế khó khăn. Vợ chồng ly thân từ đầu tháng 6/2019 đến

nay. Chị D thấy không còn khả năng đoàn tụ, nhất quyết yêu cầu được ly hôn với Lê Quốc H. Về con chung vợ chồng có 01 con chung là Lê Trần Như H, sinh ngày 21/02/2011, từ khi vợ chồng ly thân Lê Trần Như H sống với anh H cho đến nay, Trần Thị Mỹ D đồng ý giao Lê Trần Như H cho Lê Quốc H nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung Trần Thị Mỹ D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung chị cho rằng không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lần hòa giải ngày 17/02/2020 bị đơn Lê Quốc H trình bày:

Theo lời trình bày của Trần Thị Mỹ D là đúng, vợ chồng có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn ngày 16/12/2010 tại UBND xã T K Đ, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp. Trong quá trình sống chung vợ chồng cũng có đôi lúc cự cãi nhau những chuyện nhỏ nhặt trong gia đình, hiện nay D đang thuê nhà trọ ở riêng một mình, tôi muốn D về ở chung nhà với tôi để lo cho con. Trong thời gian ly thân D có mối quan hệ bất chính với người đàn ông khác, tôi tức giận chuyện này nên vợ chồng mới cãi nhau, tôi chấp nhận bỏ qua chuyện này và có khuyên D về sống chung, nhưng D nhất quyết không chịu về sống chung, nay tôi còn thương vợ nên yêu cầu được đoàn tụ, không đồng ý ly hôn. Về con chung anh Lê Quốc H đồng ý tiếp tục nuôi con và không yêu cầu Trần Thị Mỹ D cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Trần Thị Mỹ D và Lê Quốc H kết hôn và tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình sống chung có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng đã ly thân từ đầu tháng 6/2019 đến nay, không ai quan tâm đến ai, nên tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài. Mặc dù, Tòa án đã kiên trì hòa giải nhưng Trần Thị Mỹ D vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với Lê Quốc H, hôn nhân mâu thuẫn là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được, cho nên việc Trần Thị Mỹ D yêu cầu ly hôn là thỏa mãn các điều kiện theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, vì vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của Trần Thị Mỹ D là có căn cứ.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Trần Như H, sinh ngày 21/02/2011, Trần Thị Mỹ D đồng ý giao Lê Trần Như H cho Lê Quốc H nuôi dưỡng, ngoài ra Lê Trần Như H có tờ tường trình là muốn sống với anh H, anh Lê Quốc H đồng ý tiếp tục nuôi Lê Trần Như H; việc giao con cho ai nuôi phải đảm

bảo quyền, lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên, phải đảm bảo đầy đủ điều kiện để nuôi con tốt, anh H nuôi dạy và chăm sóc con tốt trong thời gian qua, và đúng với nguyện vọng của Lê Trần Như H, Hội đồng xét xử xem xét tiếp tục giao Lê Trần Như H, sinh ngày 21/02/2011 cho Lê Quốc H nuôi dưỡng là phù hợp theo Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về cấp dưỡng: Trần Thị Mỹ D không trực tiếp nuôi con đáng lý ra phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình, nhưng Lê Quốc H không yêu cầu Trần Thị Mỹ D cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt thành vấn đề xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Trần Thị Mỹ D và Lê Quốc H không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Trần Thị Mỹ D và Lê Quốc H cho rằng không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với Lê Quốc H để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do chính đáng. Hội đồng xét xử nên xét xử vắng mặt đối với Lê Quốc H theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Về án phí: Nguyên đơn Trần Thị Mỹ D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là có căn cứ, phù hợp với khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Trần Thị Mỹ D được ly hôn với Lê Quốc H.

2. Về con chung và cấp dưỡng: Lê Quốc H được quyền tiếp tục nuôi con là Lê Trần Như H, sinh ngày 21/02/2011.

Lê Quốc H cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở Trần Thị Mỹ D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí và tạm ứng án phí sơ thẩm: Trần Thị Mỹ D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà Trần Thị Mỹ D đã nộp tạm ứng án phí

theo biên lai số 0001946, ngày 20/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (Trần Thị Mỹ D đã nộp xong).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (25/3/2020). Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày, tính từ ngày bản án này được giao cho họ hoặc được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh DT;
- VKSND huyện LV;
- CCTHADS huyện LV;
- UBND xã T K Đ,
- thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Nguyễn Văn Út